

Số: 28/2023/QĐST - HNGĐ

Hưng Yên, ngày 05 tháng 12 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA
THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HƯNG YÊN, TỈNH HƯNG YÊN

Căn cứ khoản 2 Điều 396; khoản 4 Điều 397; khoản 2 Điều 149; Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 116, 118, 119 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 - 12 - 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý 146/2023/TLST - HNGĐ ngày 06/11/2023, về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con*”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Chị Đỗ Thị Thu T, sinh năm 1986
- Anh Bùi Hải H, sinh năm 1979

Là người yêu cầu cùng cư trú: Số E, đường N, phường L, thành phố H, tỉnh Hưng Yên.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- + Cháu Bùi Hải A, sinh ngày 04/5/2010
- + Cháu Bùi Hải T1, sinh ngày 14/9/2017

Cùng nơi cư trú: Số E, đường N, phường L, thành phố H, tỉnh Hưng Yên.

Người đại diện hợp pháp cho cháu A và cháu T1 là chị T, anh H là bố, mẹ đẻ của các cháu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh H tự do tìm hiểu nhau sau đó đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân thị trấn Q, huyện K, tỉnh Hà Nam ngày 24/12/2009 được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 71 quyền số 01/2009. Chị T, anh H được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới, sau khi tổ chức lễ cưới vợ chồng anh chị sinh sống tại nhà anh H tại số nhà C đường N, thị trấn Q, huyện K, tỉnh Hà Nam sau đó cuối năm 2010 vợ chồng anh chị về sinh sống tại nhà chị T tại số nhà S, đường N, phường L, thành phố H, tỉnh Hưng Yên. Vợ chồng anh chị sống hạnh phúc đến năm 2021 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn,

nguyên nhân là do vợ chồng mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống vợ chồng anh chị đã sống ly thân 06 tháng nay. Mặc dù vẫn sống chung nhà nhưng anh chị không ngủ chung, vợ chồng cũng không nói chuyện với nhau, không chia sẻ với nhau những vấn đề trong cuộc sống. Từ khi vợ chồng sống ly thân anh chị không nói chuyện với nhau, không ai quan tâm đến ai, vợ chồng anh chị cũng không hỏi han nhau, chỉ hỏi chuyện liên quan đến con cái. Khi hai vợ chồng anh, chị xảy ra mâu thuẫn thì gia đình hai bên không biết và hai bên gia đình cũng chưa hòa giải lần nào. Nay anh chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nên anh chị làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hưng Yên công nhận cho anh chị thuận tình ly hôn.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh H đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cả hai bên đều yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Yêu cầu này của chị T và anh H là chính đáng, có căn cứ và phù hợp Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình nên cần chấp nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa chị T và anh H.

[2]. Về con chung: Chị T và anh H thống nhất vợ chồng có 02 con chung là cháu là Bùi Hải A, sinh ngày 04/5/2010 và Bùi Hải T1, sinh ngày 14/9/2017. Khi vợ chồng ly hôn anh, chị thỏa thuận chị T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi cháu Bùi Hải T1, sinh ngày 14/9/2017, anh H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung là cháu T1 số tiền 1.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 12/2023 cho đến khi cháu T1 trưởng thành. Anh H là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Bùi Hải A, sinh ngày 04/5/2010 cho đến khi trưởng thành, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung với anh H. Xét đây là sự tự nguyện của chị T và anh H nên được chấp nhận.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh H đều khẳng định không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

[4] Về lệ phí: Chị T và anh H thỏa thuận chị T nộp cả 300.000 đồng lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nên cần chấp nhận sự tự nguyện này.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, như sau:

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Đỗ Thị Thu T và anh Bùi Hải H.

1.2 Về con chung: Giao cháu Bùi Hải T1, sinh ngày 14/9/2017 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung là cháu T1 số tiền 1.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 12/2023 cho đến khi cháu T1 trưởng thành. Giao cháu Bùi Hải A, sinh ngày 04/5/2010 cho anh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung với anh H. Chị T, anh H được quyền đi lại và thăm nom con chung không ai được ngăn cản.

Kể từ ngày chị Đỗ Thị Thu T có đơn thi hành án về khoản tiền cấp dưỡng nuôi con, cơ quan thi hành án ra quyết định thi hành, nếu anh Bùi Hải H không chịu thi hành thì phải chịu lãi suất theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Vì quyền lợi của con chung chị T, anh H có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung; Yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung; Yêu cầu hạn chế quyền thăm nom, chăm sóc con chung sau khi ly hôn.

1.3 Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí: Chị Đỗ Thị Thu T tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí sơ thẩm ly hôn số tiền là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000268 ngày 06/11/2023 là 300.000 đồng của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên. Chị T đã nộp đủ lệ phí sơ thẩm ly hôn.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên;
- Viện KSND thành phố Hưng Yên;
- Chi cục THA dân sự thành phố Hưng Yên;
- UBND Thị trấn Quế, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam (ĐKKH số 71, Quyền số 01/2009, ngày 24/12/2009);
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

THẨM PHÁN

Nguyễn Đăng Khuê

